

Mật Tạng Bộ 1 _ No.882 (Tr.395 _ Tr.399)

PHẬT NÓI KINH NHẤT THIẾT NHƯ LAI CHÂN THẬT NHIẾP ĐẠI THỪA
HIỆN CHỨNG TAM MUỘI ĐẠI GIÁO VƯƠNG
QUYỂN THỨ MƯỜI BẢY

Hán dịch: Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng_Triều Tán Đại Phu Thí Quang Lộc
Khanh_ Truyền Pháp Đại Sư, Sa Môn được ban áo tía (kẻ bầy tôi là) nhóm THI HỘ
phụng chiếu dịch

Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

NHẤT THIẾT KIM CƯƠNG BỘ
PHÁP TAM MUỘI MẠN NOA LA QUẢNG ĐẠI NGHI QUỸ
(Sarva-vajra-kula-dharma-samaya-maṇḍala-vidhi-vistara)
PHẦN THỨ MƯỜI BA

_Bảy giờ, Đức Thế Tôn lại nhập vào **Nhất Thiết Như Lai Pháp Tam Muội Xuất Sinh Kim Cương Gia Trì Tam Ma Địa** (Sarva-tathāgata-dharma-samaya-saṃbhava-vajrādhiṣṭhānam samādhī), nói **Tự Bộ Tối Thượng Đại Minh** (Sva-vidyottamām) này là:

“**Án, phộc nhật-la, vĩ đốt**”

ॐ ँ ञ् ञ् ॐ

*)OM_ VAJRA VID

_Khi ấy, **Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-pāṇi) nói **Tự Pháp Tam Muội Đại Minh** (Sva-dharma-samayam mahā-vidya) này là:

“**Án, xướng na, xướng na, hồng, phát tra**”

ॐ न न न न हूं त्र

*)OM_ HANA HANA HŪM PHAT

_Khi ấy, **Kim Cương Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-garbha) nói **Tự Pháp Tam Muội Đại Minh** này là:

“**Án, hát la, hát la, hồng, phát tra**”

ॐ न न न न हूं त्र

*)OM_ HARA HARA HŪM PHAT

_Lúc đó, **Kim Cương Nhãn Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-netra) nói **Tự Pháp Tam Muội Đại Minh** này là:

“**Án, ma la, ma la, hồng, phát tra**”

ॐ म ल ल ल हूं त्र

*)OM_ BALA BALA HŪM PHAT

(Bản khác ghi nhận là: **Om_ mala mala hūm phat**)

_Bảy giờ, **Kim Cương Xảo Nghiệp Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-viśva-karma) nói **Tự Pháp Tam Muội Đại Minh** này là:

“**Án, cô lô, cô lô, hồng, phát tra**”

ॐ कु ल कु ल हूं त्र

*)OM_ KURU KURU HŪM PHAT

_ Khi ấy, **Kim Cương Tối Thượng Minh Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-vidyottama) nói **Tự Pháp Tam Muội Đại Minh** này là:

“**Án, hồng, hồng, phát tra**”

ॐ ह्रूं ह्रूं ह्रूं ह्रूं

*)OM_ HŪM HŪM PHAT

_ **Bốn Kim Cương Minh Vương Đại Minh** (Vajra-vidya-rāja-mahā-vidya) của nhóm **Ma Gia Kim Cương** (Māyā-vajra) là:

“**Án, thân na, thân na, hồng, phát tra**”

ॐ (कृ॒ण॒म॒) (कृ॒ण॒म॒) ह्रूं ह्रूं

*)OM_ CCHINDA CCHINDA HŪM PHAT

“**Án, a ví xá ví xá, hồng, phát tra**”

ॐ (अ॒वि॒षा॒) (अ॒वि॒षा॒) ह्रूं ह्रूं

*)OM_ ĀVIŚĀ ĀVIŚĀ HŪM PHAT

“**Án, bộ lý-bộ phộc, toa, hồng, phát tra**”

ॐ (भृ॒व॒) (भृ॒व॒) ह्रूं ह्रूं

*)OM_ BHŪR-BHUVĀḤ SVAḤ HŪM PHAT

“**Án, thân na, thân na, hồng, phát tra**”

ॐ (कृ॒ण॒म॒) (कृ॒ण॒म॒) ह्रूं ह्रूं

*)OM_ CCHINDA CCHINDA HŪM PHAT

_ **Bốn Kim Cương Phần Nộ Vương Đại Minh** (Vajra-krodha-rāja-mahā-vidya) là:

“**Án, nại ma, nại ma hồng, phát tra**”

ॐ (द॒म॒) (द॒म॒) ह्रूं ह्रूं

*)OM_ DAMA DAMA HŪM PHAT

“**Án, ma la dã, ma la dã, hồng, phát tra**”

ॐ (म॒रु॒त॒) (म॒रु॒त॒) ह्रूं ह्रूं

*)OM_ MĀRAYA MĀRAYA HŪM PHAT

“**Án, già đa dã, già đa dã, hồng, phát tra**”

ॐ (घ॒त॒) (घ॒त॒) ह्रूं ह्रूं

*)OM_ GHĀTAYA GHĀTAYA HŪM PHAT

“**Án, bà dã, bà dã, hồng, phát tra**”

ॐ (भ॒य॒) (भ॒य॒) ह्रूं ह्रूं

*)OM_ BHAYA BHAYA HŪM PHAT

_ **Bốn Kim Cương Đại Ma Chủ Đại Minh** (Vajra-mahā-gaṇapati-mahā-vidya) là:

“**Án, ma nại, ma nại, hồng, phát tra**”

ॐ (म॒द॒) (म॒द॒) ह्रूं ह्रूं

*)OM_ MADA MADA HŪM PHAT

“Án, mǎn ðà, mǎn ðà, hòng, phát tra”

ॐ व व व व व हूं हूं

*)OM_ BANDHA BANDHA HŪM PHAT

“Án, phộc thi, bà phộc, hòng, phát tra”

ॐ व थि व थि हूं हूं

*)OM_ VAŚI BHAVA HŪM PHAT

“Án, nhạ ðã, nhạ ðã, hòng, phát tra”

ॐ य य य य हूं हूं

*)OM_ JAYA JAYA HŪM PHAT

_Bón Kim Cương Sứ Giả Đại Minh (Vajra-dūta-mahā-vidya) là:

“Án, tỳ-du, tỳ-du, hòng, phát tra”

ॐ वृ वृ हूं हूं

*)OM_ VYŪ VYŪ HŪM PHAT

(Bản khác ghi nhận là: Om_ bhyo bhyo hum phat)

“Án, cung cung, hòng, phát tra”

ॐ कु कु हूं हूं

*)OM_ KUṀ KUṀ HŪM PHAT

(Bản khác ghi nhận là: Om_ ghu ghu hum phat)

“Án, nhập-phộc la, nhập-phộc la, hòng, phát tra”

ॐ ज ल ज ल हूं हूं

*)OM_ JVALA JVALA HŪM PHAT

“Án, kha na, kha na, hòng, phát tra”

ॐ क न क न हूं हूं

*)OM_ KHĀDA KHĀDA HŪM PHAT

_Bón Kim Cương Bộc Sử Đại Minh (Vajra-ceta-mahā-vidya) là:

“Án, xướng na, xướng na, hòng, phát tra”

ॐ न य न य हूं हूं

*)OM_ HANA HANA HŪM PHAT

(Bản khác ghi nhận là: Om_ khana khana hum phat)

“Án, ma la, ma la, hòng, phát tra”

ॐ म ल म ल हूं हूं

*)OM_ MĀRA MĀRA HŪM PHAT

“Án, ngật-lý hận-noa, ngật-lý hận-noa, hòng, phát tra”

ॐ ग र ग र हूं हूं

*)OM_ GRHṆA GRHṆA HŪM PHAT

“Án, tất phộc, tất phộc, hòng, phát tra”

ॐ (ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ)

*)OM_ ŚIVA ŚIVA HŪM PHAT

(Bản khác ghi nhận là: **Om_ vibha vibha hum phat**)

_Bây giờ, Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát nói **Nhất Thiết Kim Cương Bộ Pháp Tam Muội Mạn Noa La** (Sarva-vajra-kula-dharma-samaya-maṇḍalam) này. Tụng là:

Nay Ta thứ tự sẽ diễn nói

Đại Pháp Tam Muội Mạn Noa La (Mahā-dharma-samaya-maṇḍalam)

Tướng ấy giống như **Tam Thế Luân** (Tri-cakra)

Mạn Noa La này vẽ như vậy

Trong đó tất cả y thứ tự

Phật, Tôn của nhóm **Chấp Kim Cương** (Vajra-dhāra)

Y Nghi **Pháp Mạn Noa La** (Dharma-maṇḍala) ấy

Dùng **Tâm Tiêu Xí** (Hṛ-cihṇā) vẽ khắp cả

Trong **Pháp Tam Muội Mạn Noa La** (Dharma-samaya-maṇḍala) này, như Giáo đã nói, y theo Pháp làm xong, Kim Cương A Xà Lê ấy dùng **cái chuông Kim Cương** (Vajra-ghaṃṭam), đồng kết **Kim Cương Trì Ấn** (Vajra-dhāri-mudrāṃ) y theo Pháp dẫn Đệ Tử vào Mạn Noa La, rồi bảo Đệ Tử rằng: “*Nếu có người chưa vào trong Tam Muội này, chẳng biết Pháp của Bộ này thì người đừng vì kẻ ấy giao tiếp nói Pháp này*”

Trao truyền **Thệ Giới** xong, liền nên lắc chuông. Lại vì Đệ Tử trao truyền **Thệ Tâm** (Śapatha-hṛdayam) này. Tụng là:

Tùy lắc chuông này, **tiếng Đại Trí** (Mahā-jñāna-śabda)

Chỗ làm như ứng, đều quyết định

Mà **chày Yết Ma Kim Cương** (Karma-vajram) này

Chỗ nên phá hoại, cũng quyết định

_Nếu chẳng tôn kính A Xà Lê

Kim Cương Trợ Bạn, **chẳng làm bạn** (Amitra)

Người ác hướng lại, dùng Tâm Từ

Làm điều này, là Luân Hồi Đạo (lối nẻo luân hồi)

Nói Tụng đó xong, liền vì Đệ Tử trừ bỏ tấm lụa che mặt. Tiếp nên hiển bày **Pháp Tam Muội Ấn Trí** (Dharma-samaya-mudrā-jñānam)

Phật, Tôn của nhóm Chấp Kim Cương

Như **Pháp Mạn Noa La** (Dharma-maṇḍala) đã nói

Tất cả hữu tình, nhân vắng lặng

Đây tức **Kim Cương Tối Thượng Minh** (Vajra-vidyottama)

_Nếu Thế Gian này như **huyễn hóa** (Māya)

Khổ như tiếng chuông, lại cũng thế

Vắng lặng tất cả các nhân khổ (Nirvāṇam sarva-duḥkhānām)

Kim Cương Khí Trượng, đây **vô thượng** (Anuttaram)

_**Điều phục hữu tình, Thắng Phẫn Nộ** (Krodho 'gryaḥ sattva-vinaye)

Thiện Diệu Quang (ánh sáng thiện diệu) ấy quyết định phá

Đâm hại, **Vô Thắng Kim Cương Trượng**

Cảnh bố tất cả người Tà Kiến (Mithyā-dṛṣṭir bhayaṃ-karaḥ)

_Oán địch, **Vô Thắng** ở kiêu ngông

Cột buộc **Vô Thắng Kim Cương Man**
 Thế Gian kính yêu người đã muốn
 Phá oan, **Vô Thắng** thắng Ma Chủ
 _ Khéo phá, **Vô Thắng** bậc Thắng Diệu
 Vòng khắp tùy chuyển gió Kim Cương (Kim Cương phong)
Tối Thắng Đại Quang Hỏa Kim Cương
 Nhận dùng **vô Thắng**, bậc thắng tham
 _ **Nanh lớn** (Mahā-damṣṭra: Đại Nha) **thanh tịnh** (Śuddha) hay cảnh triệu
 Tất cả người chết hay sống lại
Bố Úy Vô Thắng Vĩ Cận Na
Nước Vô Thắng (Vô Thắng Thủy) trong các **vị** (Rasa) uống

NHẤT THIẾT KIM CƯƠNG BỘ
 YẾT MA MẠN NOA LA QUẢNG ĐẠI NGHI QUỸ
 (Sarva-vajra-kula-karma-maṇḍala-vidhi-vistara)
 PHẦN THỨ MƯỜI BỐN

_Bây giờ, Đức Thế Tôn lại nhập vào **Nhất Thiết Như Lai Yết Ma Tam Muội Xuất Sinh Kim Cương Gia Trì Tam Ma Địa** (Sarva-tathāgata-karma-samayodbhava-vajrādhiṣṭhānam samādhi), nói **Tự Bộ Tối Thượng Đại Minh** (Sva-vidyottamām) này là:

“**Án, phộc nhật-la, cát lý-ma, bát-la phộc lý-đế nễ, tam ma duệ, hồng**”

ॐ वज्रकर्म पवर्तनी समये ह्रूं

*)OM_VAJRA-KARMA PRAVARTĪNI SAMAYE HŪM

_Khi ấy, **Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-pāṇi) nói **Yết Ma Tối Thượng Đại Minh của mình** (Sva-karmottamaṃ mahā-vidya) là:

“**Án, phộc nhật-la, vĩ la tây, bố nhạ dã, hồng**”

ॐ वज्रविलसि पूजये ह्रूं

*)OM_VAJRA-VILĀSĪ PŪJAYA HŪM

_Lúc đó, **Kim Cương Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-garbha) nói **Yết Ma Tối Thượng Đại Minh của mình** là:

“**Án, phộc nhật-la, tỳ thi chỉ, tỳ sấn tả, hồng**”

ॐ वज्रअभिषेकि अभिसिमेका ह्रूं

*)OM_VAJRA-ABHIṢEKI ABHIṢIMCA HŪM

_Bây giờ, **Kim Cương Nhãn Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-netra) nói **Yết Ma Tối Thượng Đại Minh của mình** là:

“**Án, phộc nhật-la, nghệ đế, nga hứ, hồng**”

ॐ वज्रगीते गीते ह्रूं

*)OM_VAJRA-GĪTE GĀHI HŪM

_Khi ấy, **Kim Cương Xảo Nghiệp Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-viśva-karma) nói **Yết Ma Tối Thượng Đại Minh của mình** là:

“**Án, phộc nhật-la, nễ-lý đất-duệ, hồng**”

ॐ वज्रृष्टे ह्रूं

*)OM_ VAJRA-NṚTYE HŪM
(Bản khác ghi nhận là: Om_vajra-nṛtya nṛtya hūm)

_Lúc đó, **Kim Cương Tối Thượng Minh Bò Tát Ma Ha Tát** (Vajra-vidyottama) nói **Yết Ma Tam Muội Đại Minh** của mình là:

“**Án, phộc nhật-la, vĩ ni-du đát ma (1) nễ-lý đa, nễ-lý đa, vĩ cô lý-phộc, vĩ cô lý-phộc, hồng, phát tra (2)**”

ॐ वज्र विज्रमृष्टमृष्ट विज्रं विज्रं हूं हूं

*)OM_ VAJRA-VIDYOTTAMA_ NṚTYA NṚTYA_ VIKURVA VIKURVA_ HŪM PHAT

_Bây giờ, **Kim Cương Phần Nộ Kim Cương Hỏa Đại Minh Phi** (Vajra-krodha-vajrāgni mahā-devīmām) nói **Yết Ma Tam Muội Đại Minh** của mình là:

“**Án, phộc nhật-la, cốt-lỗ đà, phộc nhật-la, ngật-nễ, nhập-phộc la dã (1) đê-lý du lâm (2) tần na, hột-lý nại dương, phộc nhật-lý noa, hồng, phát tra (3)**”

ॐ वज्र कुटिलवज्र (अ ह्यय विज्रं अ ह्य ह्यय वज्रम हूं हूं

*)OM_ VAJRA-KRODHA-VAJRĀGNI JVĀLAYA_ TRISŪLAM BHINDA HRDAYAM VAJREṆA HŪM PHAT

_Khi ấy, **Kim Cương Húr Ma Đại Minh Phi** (Vajra-hemā mahā-devīmām) nói **Yết Ma Tam Muội Đại Minh** của mình là:

“**Án, phộc nhật-la, hệ di, thân na, tác cật-lý noa (1) phộc nhật-lý ni, hồng, phát tra (2)**”

ॐ वज्रह्रम क्रय वज्रम वज्रम हूं हूं

*)OM_ VAJRA-HEME CCHINDA CAKREṆA_ VAJRIṆI HŪM PHAT

_Lúc đó, **Kim Cương Kiêu Ma Lý Đại Minh Phi** (Vajrakaumārī mahā-devīmām) nói **Yết Ma Tam Muội Đại Minh** của mình là:

“**Án, phộc nhật-la, kiêu ma lý (1) thi kiệt-la ma vĩ xá dã (2) kiện tra, nhiếp một-nễ na, phộc nhật-la bá ni, tất-lý duệ (3) phộc nhật-la tam ma dã, ma nậu sama la (4) la noa, la noa, hồng, phát tra (5)**”

ॐ वज्र क्रमरी मयम विजय चंद्रिय वज्रम (अय वज्र समय मयमर रमरम हूं हूं

*)OM_ VAJRA-KAUMĀRĪ ŚĪGHRAM-ĀVIŚAYA GHAMṬĀ-ŚABDA VAJRA-PĀNI PRIYE_ VAJRA-SAMAYAM ANUSMARA_ RAṆA RAṆA HŪM PHAT

_Bây giờ, **Kim Cương Tịch Tĩnh Đại Minh Phi** (Vajra-sāntir mahā-devīmām) nói **Yết Ma Tam Muội Đại Minh** của mình là:

“**Án, phộc nhật-la, phiến đễ (1) nhạ ba, nhạ bá xoa, ma la dã (2) tát lý-tông ma la dã, phiến đa ni-lý sắt-tra-dã, hồng, phát tra (3)**”

ॐ वज्र तिष्ठ सच सचरु मयय मं मरय तिष्ठ वृष्टय हूं हूं

*)OM_ VAJRA-SĀNTI JAPA JAPĀKṢA MĀLAYA_ SARVAM MĀRAYA SĀNTA DRṢṬAYA HŪM PHAT

_Khi ấy, **Kim Cương Quyền Đại Minh Phi** (Vajra-muṣṭi rmahā-devīmām) nói **Yết Ma Tam Muội Đại Minh** của mình là:

“Án, phộc nhật-la, mẫu sắt-trí (1) hát na hát na, phộc nhật-lý noa (2) tần na tần na (3) bẻ noa dã, bẻ noa dã (4) tát lý-phộc nột sắt-tra hột-lý nại dã nễ (5) An, tón bà, nễ tón bà, hồng, phát tra (6)”

ॐ वज्रसृष्टे नूनून वज्रम कृशकृश चीर्यचीर्य सत् सुष्ठु कुर्यते
ॐ सुम्भु (१) सुम्भु हूं हूं

*)OM_VAJRA-MUṢṬI HANA HANA VAJREṆA BHINDA BHINDA PĪḌAYA PĪḌAYA SARVA-DUṢṬA-HṚDAYĀNI OM SUMBHA NISUMBHA HŪM PHAṬ

Lúc đó, Kim Cương Cam Lộ Phần Nộ Vương Hậu (Vajrāmṛta-krodha-rajñī) nói Yết Ma Tam Muội Đại Minh của mình là:

“Án, phộc nhật-la mật-lý đế (1) tát lý-phộc nột sắt-đạm, ngật-lý hận-noa (2) mãn đà (3) hát na (4) bát tả, vĩ đà-tông tát dã (5) vĩ na xá dã (6) thân na (7) tần na (8) bạt tất-di, cô lỗ, mẫu lý-đà na (9) đa noa dã, phộc nhật-lý noa (10) duệ chỉ nột-hàm, a mục cát tả, vĩ cận-na, vĩ na dã ca (11) sa-đảm ma na dã (12) nỉ bát-đa, cốt-lỗ đà, phộc nhật-lý ni, hồng, phát tra (13)”

ॐ वज्रसृष्टे सत् सुष्ठु गृह्ण वधून च व वेष्टस्य वेष्टस्य कृश कृश नृश्री कुरु सुष्ठु नूनून वज्रम य कृशमसुवष्टु वेध वेष्टस्य ससुस्य दीप ऋव वज्रम हूं हूं

*)OM_VAJRA-AMṚTE SARVA-DUṢṬAṆ GRHṆA BANDHA HANA PACA VIDHVAMŚAYA VINĀŚAYA CCHINDA BHINDA BHASMĪ KURU MŪRDHĀNA TĀḌAYA VAJREṆA YE KIDVAM-AMUKHASYA VIGHNA VINĀYAKA STAMBHANĀYA DĪPTA KRODHA VAJRIṆI HŪM PHAṬ

(Bản khác ghi nhận là: om vajrāmṛte sarva-duṣṭaṇ grhṇa bandha hana paca vidhvamsaya vināśaya bhinda cchinda bhasmī-kuru mūrdha, tānuya vajreṇa ye ketu-mam amukasya vighna vināyakās tān dāmaya dīpta krodha vajriṇi hūm phat)

Bây giờ, Kim Cương Quang Phần Nộ Vương Hậu (Vajra-kāntiḥ-krodha-rajñī) nói Yết Ma Tam Muội Đại Minh của mình là:

“Án, phộc nhật-la, cán đế (1) ma la dã, táo mê, lỗ bẻ (2) bát-la nỉ bát-đa, nậu la nghệ noa (3) thi kiệt-lãm, tác-bổ tra dã, hột-lý nại dương (4) phộc nhật-la đà la, tát đất-duệ na (5) ma hạ nhĩ-du ta-na cát la la (6) thi đa la thất-di, phộc nhật-lý ni, hồng, phát tra (7)”

ॐ वज्र कंठे मर्य मय रूपे प्रदीपवृत्तम आच्छ क्लृप्य कुर्यते
वज्रदर सश्रुय मन्त्रं शुक्रे कुर्यते अग रश्च वज्रम हूं हूं

*)OM_VAJRA-KĀNTI MĀRAYA SAUME-RŪPE PRADĪPTA-ANURĀGEṆA ŚĪGHRAM SPHOṬĀYA HṚDAYAM VAJRA-DHĀRA SATYENA MAHĀ-JYOTIRNĀDA KARĀLA ŚĪTA RĀSMI VAJRIṆI HŪM PHAṬ

Khi ấy, Kim Cương Thảng Trượng Phần Nộ Vương Hậu (Vajra-daṇḍāgrā-krodha-rajñī) nói Yết Ma Tam Muội Đại Minh của mình là:

“Án, phộc nhật-la, nan noa, ngật-lý, già đa dã, hồng, phát tra”

ॐ वज्रदण्डे नान नो नगल्य हूं हूं

*)OM_VAJRA-DANḌA-AGRĪ GHĀTAYA HŪM PHAṬ

_Lúc đó, **Kim Cương Bảo Đái Phần Nộ Vương Hậu** (Vajra-mekhalā-krodha-rajñī) nói **Yết Ma Tam Muội Đại Minh** của mình là:

“**Án, phộc nhật-la, di kha la (1) kha noa kha noa (2) nhiếp một-nỉ na, phộc thi cô lỗ (3) nỉ-ly sắt-tra-dã, ma la dã, tỳ sa ni, hồng, phát tra (4)**”

ॐ वज्रमखलं क्रोधराज्णि क्खं नो क्खं ॑ वृक्षे त्रयं त्रयं त्रयं ॑ ॐ क्खं

*)OM_ VAJRA-MEKHALA _ KHAḬA KHAḬA _ ŚABDA VAŚĪ KURU_ DRṢṬAYA MĀRAYA VEŚANI HŪM PHAṬ

(Bản khác ghi nhận là: **Om_ vajra-mekhale khana khana śabdena vaśī-kuru duṣṭyā-māraya bhīṣaṇi hūm phat**)

_Bây giờ, **Kim Cương Ân Phúc** (che khuất) **Đại Ma Chủ Hậu** (Vajra-vilayā-mahā-gaṇapatī) nói **Yết Ma Tam Muội Đại Minh** của mình là:

“**Án, phộc nhật-la, vĩ la duệ (1) thân na, tất na, tần na, phộc nhật-ly noa (2) ma nại-du nột-ma nại dã (3) tất phộc tất phộc, hồng, phát tra (4)**”

ॐ वज्रविलयं (कुं भुं वृक्षं मृक्षं नयं भुं ॑ ॐ ॑ ॑ ॑

*)OM_ VAJRA-VILAYE _ CCHINDĀ ŚINĀ BHINDA VAJREṆA MĀDYUD-MĀDAYA _ ŚIVA ŚIVA HŪM PHAṬ

(Bản khác ghi nhận là: **Om_ vajra-vilaye cchinda sina bhinda vajriṇī mādayonmādaya piva piva hūm phat**)

_Khi ấy, **Kim Cương Bạc** (mưa đá) **Đại Ma Chủ Hậu** (Vajrāsanā-mahā-gaṇapatī) nói **Yết Ma Tam Muội Đại Minh** của mình là:

“**Án, phộc nhật-la, xá nễ (1) bạc xoa dã, nột sắt-đạm (2) phộc nhật-la nại xá nê, thước cất-để, đà lý ni (3) ma nậu sa, mần sa hạ lý (4) na la, lỗ để la, xá phộc, tất-ly duệ, ma nhạ, phộc sa nậu lý bát-đa, nga đế-ly (5) a na dã, tất lý-phộc đà na đà ninh-dã, hứ la ni-dã, tô phộc lan noa, nỉ nễ (6) tăng cất-la ma dã, phộc la nỉ, bạc sắt ni, hồng, phát tra (7)**”

ॐ वज्रविज्रं रुद्रं वृक्षं वज्रद्विज्रं विज्रं वरुणं मृष्यं मृष्यं ॑

*)OM_ VAJRA-AŚANI BHAKṢAYA DUṢṬAṆ_ VAJRA-DAŚANI ŚĀKTI-DHĀRIṆĪ MĀNUSYA MĀMSĀHĀRĪ NĀRA-RŪDHIRĀ ŚAVA PRIYE_ MAJJA VAŚĀ ANULIPTA GĀTRĪ _ ĀNAYA SARVA-DHANA-DHĀNYA HIRAṆYA-SUVARṆA DĀDE _ SAṆGRĀMAYA VARADE BHAKṢANI HŪM PHAṬ

(Bản khác ghi nhận là: **Om_ vajrāśane bhakṣaya sarva-duṣṭān vajra-daśani śakti dhāriṇī mānuṣa māmsāhāre nara rucirā śubha priye majja vaśānulepana vilīpta gātre ānaya sarva-dhana-dhānya hiraṇya-suvarṇādīni saṅkrāmaya bala-deva-rakṣiṇi hūm phat**)

_Lúc đó, **Kim Cương Kính Ái Đại Ma Chủ Hậu** (Vajra-vasanā-mahā-gaṇapatī) nói **Yết Ma Tam Muội Đại Minh** của mình là:

“**Án, phộc nhật-la, phộc sa nê (1) a na dã, tất lý-phộc, phộc sa-đát-la, an na bá na nỉ na-du ba, ca la noa nễ (2) thi kiệt-lãm, phộc thi, cô lỗ (3) y nan di, bát-la dã ta, vĩ xá vĩ xá (4) tất đất-duyong, cát tha dã, phộc nhật-la, cốt-lỗ đà, đà lý ni, hồng, phát tra (5)**”

ॐ वज्र वसने श्रवणं सत् वज्रवधं दशुच करणं श्रवणं वज्रं कुरु
ॐ वज्र वसने श्रवणं सत् वज्रवधं दशुच करणं श्रवणं वज्रं कुरु

*)OM_ VAJRA-VASANE_ ĀNAYA SARVA-VASTRA ANAPANNA
DENYOPA-KARAṆĀNI ŚĪGHRAM VAŚĪ KURU IDAM ME PRAYĀCCHA
AVIŚĀ AVIŚĀ SATYAM KATHAYA_ VAJRA-KRODHA DHĀRIṆI HŪM
PHAT

(Bản khác ghi nhận là: Om_ vajra-vasane ānaya sarva-vatrāṇna-pānādy-
upakaraṇāni śīghraṃ vaśī-kuru enaṃ me prayacchāviśāviśa satyaṃ kathana
vajra-kośa-dhāriṇi hūṃ phat)

_Bây giờ, Kim Cương Tự Tại Đại Ma Chủ Hậu (Vajra-vaśī-mahā-gaṇapatī) nói
Yết Ma Tam Muội Đại Minh của mình là:

“Án, phộc nhật-la, phộc thi (1) a na dā, phộc thi, cô lỗ (2) tát lý-phộc tát-đê-lý
dā, tát lý-phộc bố lỗ sam, na tát, cô lỗ (3) cốt-lỗ đường, sa đà dā mê phộc, hạ lý,
tỳ-du (4) tỳ-du , da la dā, vĩ nhạ dương, ca lý (5) phộc nhật-la, bát da ca, đà lý ni,
hông, phát tra (6)”

ॐ वज्र वसने श्रवणं सत् वज्रवधं दशुच करणं श्रवणं वज्रं कुरु
ॐ वज्र वसने श्रवणं सत् वज्रवधं दशुच करणं श्रवणं वज्रं कुरु

*)OM_ VAJRA-VAŚĪ_ ĀNAYA VAŚĪ KURU_ SARVA STRIYA SARVA
PURUṢA DĀSĪ-KURU KRODHAM SĀDHAYA AMĪVA HĀRĪ_ VYU VYU_
TĀRAYA VIJAYAM KARI_ VAJRA-PATĀKA DHĀRIṆI HŪM PHAT

(Bản khác ghi nhận là: Om_ vajra-vaśī ānaya vaśī-kuru sarva-striya, sarva-
puruṣān dāsī-kuru kruddhān prasādaya vyavahārebhyo’py uttāraya vijayaṃ-
kari vajra-patākā-dhāriṇi hūṃ phat)

_Khi ấy, Kim Cương Mục Sa La Kim Cương Nữ Sứ Giả (Vajra-musala vajra-
dūtīmam) nói Yết Ma Tam Muội Đại Minh của mình là:

“Án, phộc nhật-la, nột đê (1) a na dā, tát lý-tông (2) mạn noa la, bát-la phệ xá
dā, phệ xá dā (3) măn đà dā, tát lý-phộc, cát lý-ma ni, di, cô lỗ, thi già-lăm (4) la
cò la cò (5) đát-la sa dā (6) ma la dā, la phệ noa (7) phộc nhật-la khiết xuân nga,
đà lý ni, hông, phát tra (7)”

ॐ वज्रदुति श्रवणं सत् वज्रवधं दशुच करणं श्रवणं वज्रं कुरु
ॐ वज्रदुति श्रवणं सत् वज्रवधं दशुच करणं श्रवणं वज्रं कुरु

*)OM_ VAJRA-DŪTI_ ĀNAYA SARVAM MANḌALA PRAVEŚAYA
AVEŚAYA BANDHAYA_ SARVA KARMĀNI ME KURU ŚĪGHRAM_
LAGHU LAGHU_ TRĀSAYA MĀRAYA RĀVĪṆA_ VAJRA-KHAṬVĀṄGA
DHĀRIṆI HŪM PHAT

(Bản khác ghi nhận là: Om_ vajra-dūti ānaya sarvān maṇḍalaṃ
praveśayāveśaya bandha sarva-karmaṇi me kuru śīghraṃ śīghraṃ laghu laghu
trāsaya māraya rāveṇa vajra-khaḍga-dhāriṇi hūṃ phat)

_Lúc đó, Kim Cương Tấn Tật Kim Cương Nữ Sứ Giả (Vega-vajriṇi vajra-
dūtīmam) nói Yết Ma Tam Muội Đại Minh của mình là:

“Án, phệ nga, phộc nhật-lý ni (1) cò cò cò cò, nhiếp một-nỉ na (2) ma la dā, vĩ
chỉ la, vĩ đà-tông sa dā (3) phộc nhật-la, bát tra, đà lý ni, hông, phát tra (4)”

ॐ वज्रदुति श्रवणं सत् वज्रवधं दशुच करणं श्रवणं वज्रं कुरु
ॐ वज्रदुति श्रवणं सत् वज्रवधं दशुच करणं श्रवणं वज्रं कुरु

*)OM VEGA-VAJRINI GHU GHU GHU GHU ŚABDA MĀRAYA
VIKIRA VIDHVAMSAVA VAJRA-PAṬA DHĀRINI HŪM PHAṬ

Bây giờ, Kim Cương Xí Thịnh Kim Cương Nữ Sứ Giả (Vajra-jvālā vajra-
dūtīmam) nói Yết Ma Tam Muội Đại Minh của mình là:

“Án, phộc nhật-la, nhập-phộc la dã (1) tát lý-tông, phộc nhật-la, nhập-phộc
la dã (2) nại hát, nại hát (3) bặt tất-di, cô lỗ, hồng, phát tra (4)”

ॐ वज्रहृद्य सङ् वज्रहृद्य दददद दद दद दद दद

*)OM VAJRA-JVĀLAYA SARVAṀ VAJRA-JVĀLAYA DAHA DAHA
BHASMĪ KURU HŪM PHAṬ

Khi ấy, Kim Cương Mãnh Lợi Kim Cương Nữ Sứ Giả (Vajra-jvālā vajra-
dūtīmam) nói Yết Ma Tam Muội Đại Minh của mình là:

“Án, phộc nhật-la, vĩ cát trí (1) bát-la vĩ cát trí, bát-la vĩ cát tra (2) năng sắt-
tra-la, cát la la, tỳ sa noa, phộc cật-đế-ly (3) thi kiệt-lãm, ngật-ly hận-noa, phệ xá
dã (4) bặc xoa dã, lỗ đề lãm tất phộc, ma hạ dục sắt-ni (6) phộc nhật-la bá xá, đà
lý ni, hồng, phát tra (7)”

ॐ वज्रविक्री चक्रविक्री चक्रविक्री दंङ् क्रव वषम वक्रविक्री चक्रविक्री
वक्रविक्री चक्रविक्री चक्रविक्री चक्रविक्री चक्रविक्री चक्रविक्री चक्रविक्री

*)OM VAJRA-VIKATĪ PRAVIKATĪ PRAVIKATA DAMṢṬRA KARĀLA
VEṢAṆA VAKTRĪ ŚĪGHRAM GRHṆA AVEŚAYA BHAKṢAYA RUDHIRAM
ŚIVA MAHĀ-YAKṢINI VAJRA-PĀŚA DHĀRINI HŪM PHAṬ

(Bản khác ghi nhận là: Om vajra-vikaṭe pravikaṭa damṣṭrā karāla bhīṣaṇa
vaktre śighram grhṇāveśaya bhakṣaya rudhiram piva mahā-yakṣiṇi vajra-pāśa-
dhāriṇi hūm phaṭ)

Lúc đó, Kim Cương Diện Kim Cương Nữ Sứ (Vajra-mukhī-vajra-ceṭī) nói
Yết Ma Tam Muội Đại Minh của mình là:

“Án, phộc nhật-la, mục khê (1) a na dã, phộc nhật-la, năng sắt-tra-ly, bà ly-ý-
dã nễ chỉ (2) bá đa la, nễ phộc tất nễ (3) kha na kha na (4) kha hứ kha hứ (5) tát
lý-phộc mục khê, bát-la phệ xá dã (6) tác-bố tra dã (7) ma lý-ma ni, tát lý-phộc
nột sắt-tra nam (8) phộc nhật-la, nễ thủy đa tất, đà lý ni, hồng, phát tra (9)”

ॐ वज्रमुखे मुखे वज्रं वज्रं वज्रं वज्रं वज्रं वज्रं वज्रं वज्रं वज्रं वज्रं

*)OM VAJRA-MUKHE ĀNAYA VAJRA DAMṢṬRI BALYĀDIKĪ
PĀTĀLA-NIVĀSINI KHĀDA KHĀDA KHĀHI KHĀHI SARVA MUKHE
PRAVEŚAYA SPHOṬAYA MARMĀṆĪ SARVA DUṢṬĀṆĀM VAJRA-
NĪSĪTĀSI DHĀRINI HŪM PHAṬ

(Bản khác ghi nhận là: Om vajra-mukhī ānaya vajra-damṣṭri bhayānike
pātāla-nivāsini khana khana khāhi khāhi, sarvaṃ mukhe praves:aya sphoṭaya
marmāṇi sarva-duṣṭāṇām vajra-nīsitāsi-dhāriṇi hūm phaṭ)

Bây giờ, Kim Cương Ca Lê Kim Cương Nữ Sứ (Vajra-kālī-vajra-ceṭī) nói Yết
Ma Tam Muội Đại Minh của mình là:

“Án, phộc nhật-la ca ly (1) ma hạ tất-ly đa, lỗ tất-ni (2) ma nậu sa, mấn sa, lỗ
đề la tất-ly duệ (3) y hứ y hứ (4) ngật-ly hận-noa, ngật-ly hận-noa (5) bặc xoa dã,
noa chỉ nễ (6) Phộc nhật-la thương cát la, tát lý-phộc, nỉ phộc nga noa, ma đế-ly,
bộ đế (7) hát la, hát la, bát-la noa (8) a mẩu cát tả, cát bá la, ma la lãm, cật-ly đa,

tát lý-phộc ca duệ (9) khẩn tức la dã tấ, phộc nhật-la khiết xuân nga đà lý ni (10) tấ-lý đa, ma nậu sa, thiết lý lệ, thi kiệt-la ma, phệ xá dã (11) bát-la phệ xá dã (12) mãn đà dã (13) ma la dã (14) phộc nhật-la lạc xoa tây (15) hồng hồng hồng hồng, phát tra (16)”

ॐ वज्रकाली महप्रैत रूपाणि मनुष्य मंस रूपाणि प्रैत एतुके गुरुगुरु
 रुद्विरा प्रिये एयेहि ग्रहणा ग्रहणा भक्षया वाज्राङ्किणी वाज्राशङ्काले, सर्वा-
 देवागणा मातृ-भूते हारा हारा प्राणा अमुकस्या कपाला-मालालाम्कर्ता
 सर्वा-कार्ये किम्विरायसि वाज्रा-कषाट्वाङ्गा-धारीणि प्रैता मनुष्या शरिरे
 शिग्रहाम- अवेसाया प्रवेसाया, बन्धया मारया वाज्रा
 राक्षसि हुम हुम हुम हुम फाट्

*)OM_ VAJRA-KĀLI MAHĀ-PRETA RŪPIṆĪ _ MĀNUṢYA MĀMSA
 RUDHIRA PRIYE _ EHYEHI GRHṆA GRHṆA _ BHAKṢAYA DĀKINĪ_
 VAJRA-ŚAMKALA _ SARVA-DEVA-GAṆA MĀTR-BHŪTE _ HARA HARA
 PRANA AMOGHASYA KAPĀLA-MĀLĀLAMKRTA _ SARVA-KĀRYE
 KIMCIRĀYASI, VAJRA-KHAṬVĀṄGA-DHĀRIṆĪ PRETA MĀNUṢYA ŚARĪRE
 ŚĪGHRAM- ĀVEŚAYA PRAVEŚAYA, BANDHAYA MĀRAYA _ VAJRA
 RĀKṢASĪ HŪM HŪM HŪM HŪM PHAṬ

(Bản khác ghi nhận là: Om_ vajra-kāli mahā-preta-rūpiṇi mānuṣa-māmsa-
 dudhira-priye_ Ehyehi grhṇa grhṇa bhakṣaya vajra-dākiṇī vajra-śaṅkale, sarva-
 deva-gaṇa mātṛ-bhūte hara hara prāṇān amukasya kapāla-mālālamñkrta_
 sarva-kāye kimṅcirāyasi vajra-khaṭvaṅga-dhāriṇi preta-mānuṣa-śarīre śiḅhram
 āveśaya praveśaya bandhaya vaśī-kuru māraya vajra-rākṣaṣi hūm hūm hūm hūm
 phaṭ)

Khi ấy, Kim Cương Bồ Đan Na Kim Cương Nữ Sứ (Vajra-pūtanā-vajra-ceṭī)
 nói Yết Ma Tam Muội Đại Minh của mình là:

“Án, phộc nhật-la, bố đất nê (1) ma nậu sa, mãn sa, phộc sa, lỗ đề la, mẫu
 đất-la, bồ lý sa, thất-lê sắt-ma (2) tinh hạ, noa, cát lý đồ (3) nga lý-bà, hạ lý noa-dã
 (4) hứ, thi kiệt-la, di, nại ma tả, cô lỗ (5) phộc nhật-la, sa đà nễ cán, đà lý ni (6) tấ
 lý-phộc cát lý-ma ni, di, cô lỗ, hồng, phát tra (7)”

ॐ वज्रपुत्र मनुष्य मंस वरि रूपाणि सुव प्रेष सुश्रु श्रुतान्दर करिण
 नरुद्विरा प्रिये एयेहि ग्रहणा ग्रहणा भक्षया वाज्राङ्किणी वाज्राशङ्काले, सर्वा-
 देवागणा मातृ-भूते हारा हारा प्राणा अमुकस्या कपाला-मालालाम्कर्ता
 सर्वा-कार्ये किम्विरायसि वाज्रा-कषाट्वाङ्गा-धारीणि प्रैता मनुष्या शरिरे
 शिग्रहाम- अवेसाया प्रवेसाया, बन्धया मारया वाज्रा
 राक्षसि हुम हुम हुम हुम फाट्

*)OM_ VAJRA-PŪTANE _ MĀNUṢYA MĀMSA VAŚA RUDHIRA
 MŪTRA PŪRIṢA ŚLEŚMAM SIMHA-NĀDA KARĪTO GARBHA-
 AHĀRIṆYA AYĀHI ŚĪGHRAM DAMASYA KURU_ VAJRA SĀDHANEKAM
 DHĀRIṆĪ _ SARVA KARMĀṆĪ ME KURU HŪM PHAṬ

(Bản khác ghi nhận là: Om_ vajra-pūtanē mānuṣa-māmsa vasā rudhira mūtra
 puriṣa ślema simghāṇaka reto garbha kariṇya yāhi s:iḅhram idam asya kyru_
 vajra-śadhanikā-dhāriṇi, sarva-karmaṇi me kuru hūm phaṭ)

Lúc đó, Kim Cương Ma Yết Lý Kim Cương Nữ Sứ (Vajra-mākarī-vajra-ceṭī)
 nói Yết Ma Tam Muội Đại Minh của mình là:

“Án, phộc nhật-la, ma cát lý (1) nga-la sa nga-la sa (2) thi kiệt-lăm, thi kiệt-
 lăm (3) bát-la phệ xá dã (4) bá đa lăm, bạc xoa dã (5) phộc nhật-la, ma cát la, đà
 lý ni, hồng, phát tra (6)”

ॐ वज्रमकरि मसमस मसमस प्रैतिये फगले रुद्विरा
 रुद्विरा प्रिये एयेहि ग्रहणा ग्रहणा भक्षया वाज्राङ्किणी वाज्राशङ्काले, सर्वा-
 देवागणा मातृ-भूते हारा हारा प्राणा अमुकस्या कपाला-मालालाम्कर्ता
 सर्वा-कार्ये किम्विरायसि वाज्रा-कषाट्वाङ्गा-धारीणि प्रैता मनुष्या शरिरे
 शिग्रहाम- अवेसाया प्रवेसाया, बन्धया मारया वाज्रा
 राक्षसि हुम हुम हुम हुम फाट्

*)OM_ VAJRA-MAKARĪ _ GRASA GRASA _ ŚĪGHRAM ŚĪGHRAM_
PRAVEŚAYA PĀTĀLAM BHAKṢAYA _ VAJRA-MAKARA DHĀRIṆĪ HŪM
PHAT

__ Bảy giờ, Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát nói **Nhất Thiết Kim Cương Bộ**
Yết Ma Mạn Noa La (Sarva-vajra-kula-karma-maṇḍalam) này. Tụng là:

__ Nay Ta thứ tự sẽ diễn nói

__ **Tối Thắng Yết Ma Mạn Noa La** (Karma-maṇḍalam uttamam)

Y Pháp Nghi **Kim Cương Đàn** (Vajra-maṇḍala) ấy

Như ứng, giảng Mạn Noa La này

__ Các Mạn Noa La, vị trí đầu (tối sơ vị)

__ Ở trong, trước an tượng Phật ấy

Hai bên trái phải ấy bày hàng

Y Pháp an bày các **Đại Sĩ** (Mahā-sattva)

__ Giữa vẽ **Kim Cương Tối Thượng Minh** (Vajra-vidyottamam)

Với **Minh Phi** (Devīnām) ấy cũng đồng vẽ

Bí mật (Guhya) nhóm **Kim Cương Hy Hý** (Vajra-lāśya)

Tuyên Vũ Cúng Đường Tôn (Nṛtya-pūjā-nātha) đều vẽ

__ Hiền Thánh trong ấy, các thứ tự

Đều như Pháp **Luân Đàn** dùng làm

Tự Ấn (Sva-mudrā), **Đối Ấn** (Prati-mudrā) với xoay múa

Tùy ứng thứ tự như trước vẽ

__ Nhóm **Kim Cương Hương** (Vajra-dhūpa) bốn Cúng Đường

Với Pháp **Kim Cương Tuyên Vũ** (Vajra-nṛtya) ấy

Bốn góc kèm khoảng bốn cửa ấy

Như trước đã nói, y Pháp làm

Trong Yết Ma Mạn Noa La Karma-maṇḍale) này, hết thảy các **Pháp Yết Ma**
của nhóm **Câu Triệu** (Ākāśaṇādi-karma) y theo Pháp làm xong, như Giáo đã nói.
Kim Cương A Xà Lê nên kết **Yết Ma Tam Muội Ấn** (Karma-samaya-mudrā) rồi bảo
Đệ Tử rằng: “*Nếu có người chẳng thấy Pháp của Bộ này thì người chẳng nên vì họ*
nói Yết Ma Bí Mật Tam Muội (Guhya-karma-samaya) này, không khiến cho các người
bị trở ngược chiêu vòi tai họ”

Nói lời đó xong, Kim Cương A Xà Lê lại kết **Yết Ma Kim Cương Trì Tam**
Muội Ấn của mình (Sva-karma-vajra-dhāri-samaya-mudrām), nhìn ngó giận dữ
(Krodha-dṛṣṭi: phần nộ thị), nói **Đại Minh** này là:

“**Ấn, phộc nhật-la, đà lý-dã, phệ xá dã (1) mãn đà (2) ngật-ly hận-noa, ba dã**
(3) tát lý-phộc, cát lý-ma, tất đình, bát-la dã tha, hồng, ác (4) hồng, a (5) la la la la,
phộc nhật-ly (6)”

ॐ वज्रं त्र्यम्बकं यजामहे सुब्रह्मण्यै नमो भगवते वासुदेवाय
ॐ ॐ ॐ ॐ वज्रं

*)OM_ VAJRA-DHĀRYĀVEŚAYA _ BANDHA _ GṆHṆA APAYA _
SARVA KARMA SIDDHIṆ PRAYĀCCHA HŪM AḤ_ HŪM A _ RA RA RA
RA _ VAJRI

(Bản khác ghi nhận là: **Om_ vajra-dhāry-āveśaya praveśaya nṛtyāpaya_**
sarva-karma siddhiṆ prayaccha huṁ a huṁ a_ la la la la vajri)

Sau đó y theo Pháp dẫn Đệ Tử vào Mạn Noa La, tùy chỗ ứng ấy liền dùng **Ấn** với **Đối Ấn** làm các việc cúng dường của Diệu Tuyên Vũ. Từ đó về sau, thân ngữ tâm ấy với chỗ quán sát, tất cả sự nghiệp đều được thành tựu.

Sau đó, vì Đệ Tử trừ bỏ tâm luyến che mặt. Liền nên dạy truyền **Tuyên Vũ Tác Dụng Ấn Trí** (Nṛtyopahāra-mudrā-jñānam)

_Phật, Tôn của nhóm Chấp Kim Cương

Hai tay hòa hợp **Thắng Tam Muội** (Samayāgryā)

Nhóm **Kim Cương Hy Hỷ cúng dường** (Vajra-lāsyādi-pūjām)

Đầy tức **Kim Cương Tối Thượng Minh** (Vajra-vidyottama)

_Tất cả Minh ấy lại cũng thế

Như đã nói ấy, y thứ tự

Xoay múa làm dùng **Thắng Cúng Dường**

Cúng dường **Yết Ma Mạn Noa La** (Karma-maṇḍala)

Kim Cương Tuyên Vũ các Pháp dụng

Đại Ấn (Mahā-mudrā) dạy truyền Pháp cũng thế

Hai tay hòa hợp **Thắng Tam Muội**

Đối Ấn (Prati-mudrā) hiện tiền được giải thoát

_Hiện tiền xoay múa, việc làm dùng

Cúng dường tất cả Đại Thắng Tôn

Ấy là nhóm Đại Chấp Kim Cương

Quyết định Yết Ma đều thành tựu

_Khi ấy, Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát vì khiến cho tất cả hữu tình thấy đều an lập ở trong **Kim Cương Bộ** (Vajra-kula), trụ Địa **bất thoái chuyển** (Avaivartika-bhūmi) cho nên bạch với Phật rằng: “Thế Tôn! Con giữ **Pháp bí mật của tất cả Như Lai** (Sarva-tathāgata-guhyam) đã được Quán Đỉnh, thọ nhận **Giáo Sắc** (Ajña) của Như Lai. Nhưng bí mật này thì điều ấy lại như thế nào?”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nhập vào **Nhất Thiết Như Lai Bí Mật Kim Cương Tam Ma Địa** (Sarva-tathāgata-guhyā-vajram-samādhī) nói bí mật của tất cả Như Lai. Tụng rằng:

Tùy ứng hết thấy các Pháp Nghi

Đều xuất từ **Tự Tính hữu tình** (Sarva-sattvāḥ svabhāvataḥ)

Đây do làm lợi hữu tình nên

Nhóm **Tham** (Rāga) đã làm, đều thanh tịnh

_Khi ấy, **Kim Cương Thủ** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-pāṇi) nói **Pháp bí mật của mình** (Sva-guhyam) là:

Vì lợi tất cả hữu tình nên (Sarva-sattva-hitārthāya)

Dùng Giáo Pháp Phật làm Nhân chính (Buddha-śāsana-hetutaḥ)

Do đây giết hại các hữu tình

Trong đây không tội cũng không nhiễm

_Khi ấy, **Kim Cương Tạng** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-garbha) nói **Pháp Bảo bí mật của mình** (Sva-maṇi-guhyam) là:

Vì lợi tất cả hữu tình nên

Liền cùng **thân Phật** (Buddha-kāya), tự hòa hợp

Do đó phá hoại tâm kẻ khác (tha tâm)

Trong đây không tội cũng không nhiễm

_ Khi ấy, **Kim Cương Nhãn** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-netra) nói **Pháp Yết Ma bí mật của mình** (Sva-dharma-guhyam) là:

Tính **Tham** chân lạc (niềm vui chân thật) không gì sánh
Tất cả Phật ấy đồng chỗ hành
Chỗ muốn tùy hành, lợi hữu tình
Như vậy Hành Giả được Thắng Phước

_ Lúc đó, **Kim Cương Xảo Nghiệp** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-viśva-karma) nói **Pháp Yết Ma bí mật của mình** (Sva-karma-guhyam) là:

Vì lợi tất cả hữu tình nên
Dùng Giáo Pháp **Phật** làm **Nhân** chính
Làm khắp tất cả sự nghiệp thành
Ấy được Phước thắng diệu rộng nhiều

_ Bây giờ, Đức Thế Tôn Đại Tỳ Lô Giá Na Như Lai vì khen ngợi Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát cho nên nói Tụng đó là:

Kim Cương Tát Đỏa! Bạc Thiện Tai!
Kim Cương Đại Bảo lại lành thay!
Lành thay! Kim Cương Diệu Pháp Môn
Lành thay! Kim Cương Thắng Yết Ma
Hay khéo tuyên nói Chính Pháp này
Vô Thượng Kim Cương Bí Mật Thừa (Vajra-guhya-yānam anuttaram)
Môn bí mật của các Như Lai (Sarva-tathāgatam guhyam)
Nhiếp trong Đại Thừa Hiện Chứng Pháp (Mahā-yānābhi-saṃgraham)

PHẬT NÓI KINH NHẤT THIẾT NHƯ LAI CHÂN THẬT NHIẾP ĐẠI THỪA
HIỆN CHỨNG TAM MUỘI ĐẠI GIÁO VƯƠNG
_ QUYÊN THỨ MƯỜI BẢY (Hết) _